Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8458.19.10

Mã HS	8458.19.10
Mô tả hàng hóa	Máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại / - Máy tiện ngang: / - - Loại khác: / - - - Có bán kính gia công tiện không quá 300 mm
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	02/11/2026 19:39:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84581910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14099
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14099
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14099
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13429
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13370
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13370
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13370
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13370
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13370
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13370
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13424
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13424

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13424
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13424
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13424
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13424
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13425
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13425
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13425
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13425
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13425
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13425
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13428
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13376
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13384
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13384
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13384
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13384
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13384
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13384
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13415
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13415
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13415
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13415
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13415
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13415
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13464
VCFTA	2023	2023	1	VC!E13464

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13464
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13464
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13464
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13464
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13447
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13447
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13447
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13447
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13447
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13447
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D13447
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E13447
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F13447
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G13447
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H13447
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13447
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D13462
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E13462
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F13462
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13462
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13462
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13462
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D13461
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E13461
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F13461
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13461
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13461
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13441
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13441
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13441
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13441
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13441
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13441
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13441
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13449
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13449
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13449
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13449
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13449
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13449
RCEP B	2022	2022	0	B!D13449
RCEP B	2023	2023	0	B!E13449
RCEP B	2024	2024	0	B!F13449
RCEP B	2025	2025	0	B!G13449
RCEP B	2026	2026	0	B!H13449
RCEP B	2027	2027	0	B!I13449
RCEP C	2022	2022	0	C!D13449
RCEP C	2023	2023	0	C!E13449
RCEP C	2024	2024	0	C!F13449
RCEP C	2025	2025	0	C!G13449
RCEP C	2026	2026	0	C!H13449

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13449
RCEP D	2022	2022	0	D!D13448
RCEP D	2023	2023	0	D!E13448
RCEP D	2024	2024	0	D!F13448
RCEP D	2025	2025	0	D!G13448
RCEP D	2026	2026	0	D!H13448
RCEP D	2027	2027	0	D!I13448
RCEP E	2022	2022	0	E!D13452
RCEP E	2023	2023	0	E!E13452
RCEP E	2024	2024	0	E!F13452
RCEP E	2025	2025	0	E!G13452
RCEP E	2026	2026	0	E!H13452
RCEP E	2027	2027	0	E!I13452
RCEP F	2022	2022	0	F!D13449
RCEP F	2023	2023	0	F!E13449
RCEP F	2024	2024	0	F!F13449
RCEP F	2025	2025	0	F!G13449
RCEP F	2026	2026	0	F!H13449
RCEP F	2027	2027	0	F!I13449
VIFTA	2024	2024	12,9	VI!F12477
VIFTA	2025	2025	10.7	VI!G12477
VIFTA	2026	2026	8.6	VI!H12477
VIFTA	2027	2027	6.4	VI!I12477

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8458.19 có 2 dòng thuế; dòng 8458.19.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Có bán kính gia công tiện không quá 300 mm.	8458.19.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8458.19.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8458.19.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14099), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.